

Số: 383/2020/QĐST-HNGĐ

Mỏ Cày Nam, ngày 17 tháng 11 năm 2020.

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 428/2020/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2020 giữa:

1/ *Nguyên đơn*: Bà Trần Thị Ngọc T - Sinh năm: 1972, địa chỉ nơi cư trú: Số A, Ấp B, xã C, huyện D, tỉnh Long An.

2/ *Bị đơn*: Ông Dương Văn T - Sinh năm: 1968; địa chỉ: Ấp K, xã L, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Căn cứ vào các điều 212, 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 09 tháng 11 năm 2020.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 09 tháng 11 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1/ Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Trần Thị Ngọc T với ông Dương Văn T.

2/ Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1) *Về hôn nhân*: Bà Trần Thị Ngọc T và ông Dương Văn T thuận tình ly hôn, không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

2.2) *Về con chung*: Bà Trần Thị Ngọc T và ông Dương Văn T có hai người con chung là: Dương Thị Thu H - Sinh ngày 26 tháng 7 năm 1992 và

Dương Phúc T - Sinh ngày 11 tháng 11 năm 2000. Cả hai người con đều đã thành niên, có khả năng lao động; bà T, ông T không có yêu cầu gì liên quan đến hai người con chung nên không xem xét, giải quyết.

2.3) *Về tài sản:* Bà Trần Thị Ngọc T, ông Dương Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

2.4) *Về nợ chung:* Bà Trần Thị Ngọc T, ông Dương Văn T trình bày là không có nên không xem xét, giải quyết.

2.5) *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Bà Trần Thị Ngọc T tự nguyện nhận chịu 150.000đồng (một trăm năm mươi ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm; nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 4.675.000đồng (bốn triệu sáu trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) theo các Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0002988 và 0002989 cùng ngày 16 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre; hoàn trả lại cho bà Trần Thị Ngọc T số tiền chênh lệch là 4.525.000đồng (bốn triệu năm trăm hai mươi lăm ngàn đồng).

**3/ Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.**

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND huyện Mô Cày Nam;
- Chi cục T.H.A.D.S huyện M;
- Phòng KTNV và THA-TAND tỉnh Bến Tre;
- UBND Phường T, Quận U, Tp.HCM;
- Lưu: Hồ sơ, Vp, Bp.

**THẨM PHÁN**

(Đã ký)

**Nguyễn Văn Nguyên**